

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TD3+RP1	7:25	2+15+4	0+0+0	0+15+4	0+0+0		
2		Thor+TD5	7:25	5+10	0+0	6+15	0+0		
3		BK14+P9+TD5	7:25	5+12+2	0+0+0	3+0+16	0+0+0		
4		RP2+RC5+SAVR	9:25	20+1+0	0+0+0	12+1+8	0+0+0		
5		RP2+VSP02+PPD	9:25	5+14+0	0+0+0	13+7+0	0+0+0	chuyen 2 vsp02-pd	
6		RP2+RP3	11:25	11+10	0+0	3+18	0+0		

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2025	TO: THOR - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: VTHANG - SON - THANH	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HÓ MINH TRINH	THOR	81	1	12	5	46	78	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM THỂ TÂM	THOR	82-83	2	14			90	KHOAN	Vietnamese
3	CHU ĐÌNH THANH	THOR	74	1	9	2	40	57	DVL	Vietnamese
4	TRẦN THAI AN	THOR	75	1	14	3	44	74	DVL	Vietnamese
5	MAI HUY TU	THOR	76-77	2	14			62	DVL	Vietnamese
6	BÁO NGUYỄN LỘC	TD5	60	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN HIÊN	TD5	59	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	63-64	2	6			63	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD5	67	1	4	3	56	71	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ ANH QUÂN	TD5	61-62	2	13			75	KHOAN	Vietnamese
11	VĂN TUẤN DUNG	TD5	73-74	2	10			65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	68-69	2	14			65	DMC-MI	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀI SANG	TD5	65-66	2	8			49	DMC-MI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIÊN	TD5	71	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HIỆU	TD5	70	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
16	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	72	1	3	3	50	92	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	5	361	7	63	10	130	4		
2	TD5	11	770	16	83	6	106	15		
TOTAL		16	1.131	23	146	16	236	19		
WEIGHT KG			1.131		146		236			

GRAND TOAL: 1.513 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2025	TO: BK14 - P9 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHAÍ - MTHAO - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN TIEN	BK14	09-10	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DU	BK14	11-12	2	15			76	YTE	Vietnamese
3	TRAN THE NGUYEN	BK14	13-14	2	15	3	20	73	XAYLAP	Vietnamese
4	CAO VAN TINH	BK14	07-08	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DONG	BK14	15	1	8			80	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM DUY PHUC	P9	37	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN MINH DAT	P9	31	1	14			85	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HAI	P9	44,46	2	15			51	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI XUAN TOAN	P9	32	1	15	1	14	62	XAYLAP	Vietnamese
10	LE DINH QUANG	P9	33	1	7			52	XAYLAP	Vietnamese
11	DINH VAN TE	P9	36	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
12	VO VAN SON	P9	38-39	2	19			52	XAYLAP	Vietnamese
13	TRINH VAN BAU	P9	42-43	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
14	LE NGOC ANH	P9	40	1	16			93	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI KHAC SON	P9	34-35	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
16	LE VIET QUANG	P9	48,50	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM HONG VU	P9	45	1	10	1	15	47	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG LINH	TD5	42-43	2	7			69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	5	359	9	64	3	20	3		
2	P9	12	790	17	179	2	29	0		
3	TD5	1	69	2	7	0	0	16		
TOTAL		18	1.218	28	250	5	49	19		
WEIGHT KG			1.218		250		49			

GRAND TOAL: 1.517 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2025	TO: AMD - TD3 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - HIÊU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHU VAN LUONG	AMD	85	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU VAN HAO	AMD	84	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM DUY CHUNG	AMD	86	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	61	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
5	DOAN QUANG BAC	TD3	23	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
6	DO DUY CHINH	TD3	24-25	2	18			74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3						78	KHOAN	Vietnamese
8	BUI CONG SON	TD3	27	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN ANH HUNG	TD3	28	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
10	LE HONG VUONG	TD3	20-22	3	15			71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	TD3	26	1	6	4	70	79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NAM CUONG	TD3	60	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN QUANG	TD3	29	1	8			83	KHOAN	Vietnamese
14	LE XUAN THANG	TD3	18-19	2	21			80	KHOAN	Vietnamese
15	BUI MANH PHUC	TD3	58	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN TUONG	TD3	30	1	8			82	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN HAI	TD3	59	1	4			60	PSV	Vietnamese
18	HA QUOC VINH	RP1	72-73	2	12	1	20	69	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN KHANH CHAN	RP1	70	1	3			59	PSV	Vietnamese
20	LE VAN QUY	RP1	69	1	9			78	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN HUAN	RP1	71	1	3			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	3	211	3	16	0	0	0		
2	TD3	14	1.051	17	118	4	70	15		
3	RP1	4	279	5	27	1	20	4		
TOTAL		21	1.541	25	161	5	90	19		
WEIGHT KG			1.541		161		90			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2025	TO: RP2 - RC5 - SAVR	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	USHAKOV ANTON	RP2	08	1	5			95	ANTOAN	Russian
2	SIDORSKIY DMITRY	RP2	07	1	15			97	ANTOAN	Russian
3	NGUYỄN BA CUÔNG	RP2	05	1	10			87	ANTOAN	Vietnamese
4	ĐỖ BA NAM	RP2	11-12	2	9			85	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN CHIẾN THĂNG	RP2	13-14	2	15			67	ANTOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN DỤC	RP2	23-24	2	14			68	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG THANH	RP2	01-02	2	15			72	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÙNG	RP2	19-20	2	15			70	ANTOAN	Vietnamese
9	KHUÔNG THANH DƯƠNG	RP2	09	1	16			72	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY KHANH	RP2	10	1	11			77	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU VIỆT	RP2	03	1	10			71	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BẢO	RP2	22	1	9			66	ANTOAN	Vietnamese
13	TRẦN DUY THÔNG	RP2	21	1	9			78	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG MINH	RP2	18	1	4			79	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU ĐỨC	RP2	28-29	2	20	1	20	72	T-TIN	Vietnamese
16	PHẠM QUANG TUẤN	RP2	04-05	2	22			98	DICHVU	Vietnamese
17	KRAMERENKO V.V.	RP2	15	1	8			71	KH-THAC	Russian
18	LÊ HUY BẠC	RP2	25-26	2	19			73	CODIEN	Vietnamese
19	PHAN PHI LONG	RP2	16-17	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI TRUNG SƠN	RC5	72	1	7	2	25	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	19	1.466	28	242	1	20	12		
2	RC5	1	73	1	7	2	25	1		
3	SAVR	0	0	0	0	1	9	8		
TOTAL		20	1.539	29	249	4	54	21		
WEIGHT KG			1.539		249		54			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2025	TO: RP2 - VSP02 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: VTHĂNG - SON - THÀNH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG MINH HOÀNG	RP2	66	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MINH HOÀNG	RP2	58	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
3	HUYNH ĐỨC TÂM	RP2	53	1	8			64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN DUY ANH	RP2	73	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
5	HA XUÂN ĐẠT	RP2	71-72	2	17			58	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC THANH	RP2	65	1	16			57	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUANG KHU	RP2	54	1	6			69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN SỸ TÌNH	RP2	61-62	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ VĂN LỢI	RP2	59-60	2	21			69	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN ĐỀ	RP2	55-56	2	22			53	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TUẤN	RP2	68-69	2	17	1	17	71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN BA LƯU	RP2	63-64	2	22	3	60	69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP2	70	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN THANH	RP2	67	1	11			74	XAYLAP	Vietnamese
15	MALKOV ANTON	RP2	57	1	10			91	VTB	Russian
16	ARTIUSHIN S	VSP02	09	1	13			89	ANTOAN	Russian
17	VŨ XUÂN TOÀN	VSP02	06	1	5			79	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	07	1	6			69	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUNG	VSP02	05	1	5	1	20	86	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KHUONG	VSP02	08	1	8			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	15	1.013	21	217	4	77	13		
2	VSP02	5	382	5	37	1	20	7 + 2	CHUYEN 2 PAX VSP02-PPD	
3	PPD	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	1.395	26	254	5	97	20		
WEIGHT KG			1.395		254		97			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2025	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - HUY	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ VĂN ĐẠO	RP2	30	1	9			68	XAYLAP	Vietnamese
2	CAO VĂN HUYEN	RP2	35	1	14			81	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH BIÊN	RP2	41	1	15	1	10	85	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG ANH TUAN	RP2	32-33	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HÀ	RP2	36	1	7	1	20	59	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HANH	RP2	44	1	6	1	20	72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC LONG	RP2	43	1	14			63	XAYLAP	Vietnamese
8	LÝ HỮU THẮNG	RP2	33-34	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG LÝ	RP2	45-46	2	14			55	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ MINH THUẬN	RP2	40	1	11			82	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SA	RP2	38-39	2	10			69	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	RP3	01,400	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH CHIÊN	RP3	97-98	2	11			68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP3	96	1	6			79	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN AN	RP3	04	1	7			68	PSV	Vietnamese
16	TRẦN BA MẬU	RP3	03	1	3	3	40	67	PSV	Vietnamese
17	VŨ HỒNG QUANG	RP3	02	1	6			74	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HIẾU	RP3	05	1	4			57	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN TUẤN ANH	RP3	99	1	6			63	PSV	Vietnamese
20	PHAN VĂN HỒNG	RP3	94	1	6			70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN AI	RP3	95	1	4			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	11	765	15	132	3	50	3		
2	RP3	10	671	12	68	3	40	18		
TOTAL		21	1.436	27	200	6	90	21		
WEIGHT KG			1.436		200		90			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN